

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮKNE

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

Tháng 5 năm 2017

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 – 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 25

Số: 119 /VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện ĐắkNé

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện ĐắkNé (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 5 năm 2017 từ trang 04 đến trang 25 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương

P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (84-4) 3577 0781

Fax: (84-4) 3577 0787

Văn phòng Đồng Nai

Số 79 đường Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng

Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Tel: (84-61) 382 8560

Fax: (84-61) 382 8560

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan

Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Tel: (84-31) 353 4655

Fax: (84-31) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày trong thuyết minh số 4, phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2016, Công ty đã thực hiện đánh giá lại thời gian trích khấu hao của một số tài sản cố định là nhà máy thủy điện Đắc Pía; và thay đổi thời gian trích khấu hao cho giá trị còn lại của tài sản này từ 105 tháng thành 201 tháng. Việc thay đổi thời gian trích khấu hao của tài sản trên ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 là 2.968.558.284 VND (giảm chi phí khấu hao hơn so với năm 2015). Tổng Giám đốc đánh giá việc thay đổi thời gian trích khấu hao này phản ánh đúng thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2015-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. HCM, ngày 15 tháng 5 năm 2017

Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1822-2014-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		224.778.731.253	62.978.116.820
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.919.919.318	217.948.569
1. Tiền	111		14.919.919.318	217.948.569
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		196.520.071.618	57.891.014.571
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	8.012.907.773	14.877.271.206
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	167.774.156.185	190.841.300
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	20.733.007.660	42.822.902.065
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.338.740.317	4.869.153.680
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		96.974.594	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.241.765.723	4.869.153.680
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		795.065.429.872	304.366.812.220
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		173.433.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	173.433.000	-
II. Tài sản cố định	220		441.084.977.490	304.348.253.817
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	441.084.977.490	304.348.253.817
- Nguyên giá	222		546.967.649.577	366.283.608.357
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.882.672.087)	(61.935.354.540)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		352.409.988.096	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	352.409.988.096	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		364.961.248	18.558.403
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		364.961.248	18.558.403
V. Lợi thế thương mại	269	11	1.032.070.038	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		<u>1.019.844.161.125</u>	<u>367.344.929.040</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		720.232.226.563	269.344.324.815
I. Nợ ngắn hạn	310		35.413.283.414	38.465.406.181
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	458.769.513	3.560.452.052
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	7.174.341.216	16.725.926.266
3. Phải trả người lao động	314		595.268.655	347.215.794
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	6.036.762.081	1.974.327.253
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	428.141.949	2.657.484.816
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	20.720.000.000	13.200.000.000
II. Nợ dài hạn	330		684.818.943.149	230.878.918.634
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	684.818.943.149	230.878.918.634
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		299.611.934.562	98.000.604.225
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	299.611.934.562	98.000.604.225
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	83.384.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.904.000.000	83.384.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.226.794.431	14.616.604.225
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		771.901.475	462.186.547
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		10.454.892.956	14.154.417.678
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.481.140.131	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.019.844.161.125	367.344.929.040

Lê Thực Quỳnh
 Người lập biểu
 TP. Kon Tum, ngày 15 tháng 5 năm 2017

Nguyễn Thị Thu Phương
 Kế toán trưởng

Hồ Thanh Tiến
 Tổng Giám đốc




1015070111

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		68.947.807.368	61.545.022.894
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01)	10	20	68.947.807.368	61.545.022.894
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	28.107.531.828	20.012.878.301
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		40.840.275.540	41.532.144.593
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		978.474.596	70.774.244
6. Chi phí tài chính	22	23	27.616.325.942	21.562.722.087
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.616.325.942	21.562.722.087
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	2.818.019.582	1.541.993.108
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 26}	30		11.384.404.612	18.498.203.642
9. Thu nhập khác	31		1.516.725	-
10. Chi phí khác	32		265.450.643	276.702.362
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(263.933.918)	(276.702.362)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.120.470.694	18.221.501.280
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		642.168.722	4.067.083.602
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		10.478.301.972	14.154.417.678
15. Lợi nhuận sau thuế phân phối cho công ty mẹ	61		10.466.184.897	14.154.417.678
16. Lợi nhuận sau thuế phân phối cho cổ đông không kiểm soát	62		12.117.075	-
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	530	1.811


 Lê Thục Quỳnh
 Người lập biểu
 TP. Kon Tum, ngày 15 tháng 5 năm 2017


 Nguyễn Thị Thu Phương
 Kế toán trưởng





 Hồ Thanh Tiên
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	11.120.470.694	18.221.501.280
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	22.265.727.026	15.644.705.617
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(978.474.596)	(70.774.244)
- Chi phí lãi vay	06	27.616.325.942	21.562.722.087
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	60.024.049.066	55.358.154.740
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	54.843.683.356	(51.373.743.756)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	3.133.574.571	-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(23.459.696.962)	(11.403.138.139)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(302.009.906)	1.614.281.840
- Tiền lãi vay đã trả	14	(30.036.899.582)	(21.562.722.087)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.110.898.529)	(828.172.875)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(389.260.000)	(109.175.096)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	62.702.542.014	(28.304.515.373)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(152.883.581.283)	(115.498.676.745)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.057.203.665	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.806.353	70.774.244
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(150.816.571.265)	(115.427.902.501)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	14.000.000.000	58.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	105.136.000.000	257.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(16.320.000.000)	(172.204.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	102.816.000.000	142.796.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	14.701.970.749	(936.417.874)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	217.948.569	1.154.366.443
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	14.919.919.318	217.948.569


 Lê Thục Quỳnh
 Người lập biểu
 TP. Kon Tum, ngày 15 tháng 5 năm 2017


 Nguyễn Thị Thu Phương
 Kế toán trưởng


 Hồ Thanh Tiên
 Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Ne là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 6101177237 ngày 21/5/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kontum cấp và giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 30/8/2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần vào ngày 30/8/2016 là 284.904.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2016 là 71 người (tại ngày 31/12/2015 là 38 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có 01 công ty con là Công ty TNHH Trung Việt (chiếm 98% vốn điều lệ) với hoạt động chính là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tấn Phát
Thành viên Ban Quản trị và Quản lý
Ông Nguyễn Ngọc Trung
Ông Trần Quang Chung

Mối quan hệ

Cùng chung thành viên góp vốn
và thành viên quản lý chủ chốt.
Thành viên chủ chốt
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến cuối kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện đánh giá lại thời gian trích khấu hao của một số tài sản cố định là nhà máy thủy điện Đắc Pia; và thay đổi thời gian trích khấu hao cho giá trị còn lại của các tài sản đó từ 105 tháng thành 201 tháng. Việc thay đổi thời gian trích khấu hao của các tài sản trên ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 là 2.968.558.284 VND (giảm chi phí khấu hao hơn so với năm 2015). Tổng Giám đốc đánh giá việc thay đổi thời gian trích khấu hao này phản ánh đúng thời gian sử dụng hữu ích còn lại của các tài sản và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí phân bổ khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi. (nếu có và lãi từ các khoản đầu tư được đánh giá là trọng yếu).

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các giao dịch mua cổ phiếu quan trọng trong năm

Giao dịch hợp nhất kinh doanh

Vào ngày 15/6/2016, Công ty đã hoàn tất việc mua 98% cổ phần của Công ty TNHH Trung Việt thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (xem thuyết minh số 17) với tổng giá phí là 170.520.000.000 VND. Theo đó, Công ty TNHH Trung Việt trở thành công ty con của Công ty. Hoạt động chính của Công ty TNHH Trung Việt là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các giao dịch mua cổ phiếu quan trọng trong năm (Tiếp theo)

Giao dịch hợp nhất kinh doanh (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2016, Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty TNHH Trung Việt tại ngày mua, và áp dụng theo phương pháp kế toán tạm thời để hợp nhất Công ty TNHH Trung Việt. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty TNHH Trung Việt tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua
	VND
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.057.203.665
Các khoản phải thu ngắn hạn	190.479.358.859
Hàng tồn kho	3.133.574.571
Tài sản ngắn hạn khác	10.808.020.545
Tài sản cố định	53.938.351.432
Tài sản dở dang dài hạn	283.604.141.594
	544.020.650.666
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	19.542.445.663
Nợ dài hạn	351.591.649.258
	371.134.094.921
Tổng tài sản thuần (a)	172.886.555.745
Cổ đông không kiểm soát (b)	3.457.731.115
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 11) (c)	1.091.175.370
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh (d)=(a)-(b)+(c)	170.520.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua Công ty con	
Tiền thu về từ Công ty con	2.057.203.665
Tiền chi để mua Công ty con tính đến ngày 31/12/2016	-
Lưu chuyển tiền thuần từ nghiệp vụ mua	2.057.203.665

Giá phí hợp nhất kinh doanh là 170.520.000.000 VND toàn bộ là nhận chuyển nhượng vốn góp trong Công ty TNHH Trung Việt thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (xem thuyết minh số 16) với giá chào bán bằng mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu tương ứng 17.052.000 cổ phiếu. Lợi nhuận trước thuế của Công ty TNHH Trung Việt kể từ ngày mua đến ngày 31/12/2016 là 725.309.149 VND.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	472.669.731	203.849.849
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.447.249.587	14.098.720
Cộng	14.919.919.318	217.948.569

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	8.012.907.773	14.877.271.206
Cộng	8.012.907.773	14.877.271.206

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Trả trước bên liên quan	110.177.156.185	-
Công ty Cổ phần Tấn Phát (*)	110.177.156.185	-
b) Trả trước cho người bán khác	57.597.000.000	190.841.300
Công ty Cổ phần xây dựng thủy điện Việt Trung (*)	57.000.000.000	-
Công ty TNHH Công nghệ Tự động hóa Toàn Cầu	-	165.500.000
Trả trước cho người bán khác	597.000.000	25.341.300
Cộng	<u>167.774.156.185</u>	<u>190.841.300</u>

(*) Đây là khoản tiền tạm ứng để thực hiện thi công công trình thủy điện Đắc Bla 1 cho tổng thầu là liên danh của 2 Công ty là Công ty CP Xây dựng thủy điện Việt Trung và Công ty CP Tấn Phát theo hợp đồng tổng thầu số 08/2015/HĐKT-TV-LDVT&TP ngày 09/3/2015 và phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐKT-TV ngày 01/10/2015 được ký giữa ba bên.

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	20.733.007.660	42.822.902.065
- Phải thu khác bên liên quan	-	418.101.339
Công ty Cổ phần Tấn Phát	-	418.101.339
- Phải thu khác	2.291.926.095	-
Bà Đỗ Thị Bích Huyền (*)	1.323.257.852	-
Công ty TNHH Nước Vin	968.668.243	-
- Tạm ứng bên liên quan	1.725.457.998	42.291.693.459
Ông Nguyễn Ngọc Tường (**)	1.277.694.066	31.277.037.984
Ông Nguyễn Huy Cường	-	6.000.000.000
Ông Hồ Thanh Tiến	5.700.000	5.014.655.475
Ông Nguyễn Văn Quân (**)	442.063.932	-
- Tạm ứng khác	16.715.623.567	113.107.267
Ông Lê Văn Khoa (**)	15.400.992.298	-
Đối tượng khác	1.314.631.269	113.107.267
b) Dài hạn	173.433.000	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	173.433.000	-
Cộng	<u>20.906.440.660</u>	<u>42.822.902.065</u>

(*) Khoản phải thu khác bà Đỗ Thị Bích Huyền là các khoản phải thu liên quan đến việc bồi thường cho những khoản phạt vi phạm thuế và các khoản truy thu khác trong năm 2016 theo quyết định số 14/QĐ-TV ngày 01/01/2016, quyết định số 15/QĐ-TV ngày 05/02/2016, quyết định số 17/QĐ-TV ngày 13/5/2016 và quyết định số 23/QĐ-TV ngày 31/12/2016 của Tổng Giám đốc.

(**) Các khoản tạm ứng để phục vụ cho công việc của Công ty, tạm ứng để thực hiện thanh toán các chi phí liên quan công trình Đắc Bla 1 và tìm kiếm các cơ hội đầu tư theo các quyết định tạm ứng đã được phê duyệt của Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	365.492.082.975	98.700.000	642.625.382	50.200.000	366.283.608.357
- Tăng tài sản từ việc đầu tư vào công ty con (*)	74.142.170.814	388.054.545	1.089.716.594	-	75.619.941.953
- Mua trong năm	103.168.867.145	-	1.822.121.030	73.111.092	105.064.099.267
Số cuối năm	542.803.120.934	486.754.545	3.554.463.006	123.311.092	546.967.649.577
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	61.840.433.885	25.470.971	62.477.464	6.972.220	61.935.354.540
- Tăng từ đầu tư vào công ty con (*)	21.430.283.416	66.794.621	184.512.484	-	21.681.590.521
- Khấu hao trong năm	21.812.219.809	89.812.614	343.169.294	20.525.309	22.265.727.026
Số cuối năm	105.082.937.110	182.078.206	590.159.242	27.497.529	105.882.672.087
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	303.651.649.090	73.229.029	580.147.918	43.227.780	304.348.253.817
Số cuối năm	437.720.183.824	304.676.339	2.964.303.764	95.813.563	441.084.977.490

(*) Đây là nguyên giá và hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình của Công ty TNHH Trung Việt tại ngày 15/6/2016 – Ngày Công ty TNHH Trung Việt trở thành công ty con của Công ty.

Công ty đã thế chấp toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 437.720.183.824 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (xem thêm tại thuyết minh số 14).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Dự án nhà máy thủy điện Đăk Bla 1

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	-
Phát sinh tăng	352.409.988.096
- Phát sinh tăng do mua Công ty con	283.604.141.594
- Phát sinh tăng trong năm	<u>68.805.846.502</u>
Số cuối năm	<u>352.409.988.096</u>

Toàn bộ giá trị tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án đầu tư nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 và toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 được thế chấp cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Buôn Ma Thuột (Xem thêm tại thuyết minh số 14).

11. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>VND</u>
Số dư đầu năm nay	-
Tăng do mua công ty con	1.091.175.370
Phân bổ trong năm	<u>(59.105.332)</u>
Số dư cuối năm nay	<u>1.032.070.038</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	458.769.513	458.769.513	3.560.452.052	3.560.452.052
Công ty TNHH MTV Thi Nghiệm Điện Miền Trung	157.471.100	157.471.100	-	-
Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng điện	118.990.000	118.990.000	-	-
Công ty bảo hiểm toàn cầu Gia Lai	108.255.067	108.255.067	-	-
Công ty TNHH Tân An	-	-	2.448.076.119	2.448.076.119
Các đối tượng khác	74.053.346	74.053.346	1.112.375.933	1.112.375.933
Cộng	<u>458.769.513</u>	<u>458.769.513</u>	<u>3.560.452.052</u>	<u>3.560.452.052</u>

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải trả khác là bên liên quan	60.400.000	1.877.456.478
Công ty Cổ phần Tấn Phát	-	1.871.095.775
Ông Nguyễn Ngọc Tường	60.400.000	6.360.703
b) Phải trả ngắn hạn khác	367.741.949	780.028.338
Tài sản thừa chờ giải quyết	15.121.741	-
Bảo hiểm xã hội	333.752.797	563.040.302
Bảo hiểm y tế	4.970.222	78.202.482
Bảo hiểm thất nghiệp	2.208.986	34.764.604
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>11.688.203</u>	<u>104.020.950</u>
Cộng	<u>428.141.949</u>	<u>2.657.484.816</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	20.720.000.000	13.200.000.000
Trong năm thứ hai	44.270.000.000	15.600.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	180.300.000.000	59.600.000.000
Sau năm năm	460.248.943.149	155.678.918.634
Cộng	705.538.943.149	244.078.918.634
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	20.720.000.000	13.200.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	684.818.943.149	230.878.918.634

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum	4.306.640.398	-
Chi phí lãi vay ngân hàng TMCP Việt Á - CN Buôn Ma Thuật	1.730.121.683	1.974.327.253
Cộng	6.036.762.081	1.974.327.253

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	554.631.991	554.631.991	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	788.328.533	(2.192.059.818)	1.110.898.529	4.091.286.880
Thuế thu nhập cá nhân	7.530.306	24.042.169	18.544.579	2.032.716
Thuế tài nguyên	501.386.891	5.620.393.890	5.914.658.242	795.651.243
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.316.264	1.316.264	-
Các loại thuế khác	-	9.468.791	9.468.791	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.877.095.486	3.469.282.169	9.429.142.110	11.836.955.427
Cộng	7.174.341.216	7.487.075.456	17.038.660.506	16.725.926.266

(i) Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2016: 642.168.722 VND.

- Tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ việc hợp nhất kinh doanh là 275.241.568 VND.

- Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 theo biên bản xác nhận kết quả kiểm tra thuế số 2 và kiến nghị của kiểm toán nhà nước là: 2.930.534.713 VND và giảm thuế thu nhập các năm trước do trích dự theo quyết định của Tổng Giám đốc với số tiền 178.935.395 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số đầu năm trước	25.384.000.000	571.361.643	-	25.955.361.643
Góp vốn trong kỳ	58.000.000.000	-	-	58.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	14.154.417.678	-	14.154.417.678
Tặng/giảm khác	-	(109.175.096)	-	(109.175.096)
Số đầu năm nay	83.384.000.000	14.616.604.225	-	98.000.604.225
Góp vốn trong kỳ (i)	201.520.000.000	(17.000.000.000)	-	184.520.000.000
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại 15/06/2016	-	-	3.457.731.115	3.457.731.115
Lợi nhuận trong năm	-	10.466.184.897	12.117.075	10.478.301.972
Trích quỹ phúc lợi khen thưởng (ii)	-	(389.260.000)	-	(389.260.000)
Tặng khác (iii)	-	4.761.241.605	11.291.941	4.772.533.546
Giảm khác (iv)	-	(1.227.976.296)	-	(1.227.976.296)
Số cuối năm nay	284.904.000.000	11.226.794.431	3.481.140.131	299.611.934.562

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện các đợt tăng vốn, bao gồm:

- Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 04/2016/BB-ĐAKNE ngày 14/6/2016 và quyết định số 04/2016/QĐ-ĐAKNE ngày 14/6/2016, Công ty thực hiện phát hành thêm 17.052.000 cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ thêm 170.520.000.000 VND, với giá chào bán bằng mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Giá trị cổ phiếu phát hành thêm được mua dưới hình thức nhận chuyển nhượng 98% vốn điều lệ góp vào Công ty TNHH Trung Việt của các cổ đông, với giá trị tương đương.
- Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 07/2016/NQ-ĐAKNE ngày 05/7/2016, Công ty thực hiện chia cổ tức từ lợi nhuận bằng cổ phiếu và phát hành thêm cổ phần để chào bán cho các cổ đông hiện hữu Công ty. Theo đó, tổng giá trị cổ tức được chia cho cổ đông hiện hữu là 17.000.000.000 VND (tương đương 1.700.000 cổ phiếu) và tổng số cổ phiếu được chào bán thêm có giá trị là 14.000.000.000 VND (tương đương 1.400.000 cổ phiếu).

Tổng vốn điều lệ sau khi tăng trong năm là 284.904.000.000 VND đã được Công ty đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 30/8/2016.

- (ii) Công ty tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Quyết định của HĐQT số 26/2016/QĐ-ĐAKNE ngày 20/8/2016. Việc trích lập quỹ này sẽ được thông qua trong kỳ họp đại hội đồng cổ đông sắp tới.
- (iii) Tăng khác trong năm là khoản điều chỉnh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước với tổng số tiền là 3.603.666.401 VND và điều chỉnh tăng chi phí lãi vay vốn hóa vào công trình nhà máy thủy điện Đắc Ne với tổng giá trị là 1.168.867.145 VND theo các biên bản kiểm tra thuế trong năm 2016.
- (iv) Giảm khác trong năm là khoản trích bổ sung tiền phí dịch vụ môi trường rừng từ tháng 06/2014 đến tháng 12/2014 với số tiền 821.699.040 VND, thuế tài nguyên năm 2015 với số tiền 13.756.459 VND và tiền phạt thuế các năm trước là 392.520.797 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2016 như sau:

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.490.400	8.338.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	8.338.400
- Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	8.338.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	8.338.400
- Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	8.338.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kontum cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 30/08/2016, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 284.904.000.000 VND tương đương 28.490.400 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số vốn thực góp của các cổ đông như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp		Số đầu năm VND
	Số cổ phiếu	VND	Số cuối năm		
			VND	%	
Nguyễn Huy Cường	4.678.231	46.782.310.000	46.782.310.000	16,42%	41.692.000.000
Nguyễn Ngọc Tường	4.677.295	46.772.950.000	46.772.950.000	16,42%	41.683.650.000
Nguyễn Văn Quân	936	9.360.000	9.360.000	0,00%	8.350.000
Trần Quang Chung	9.566.969	95.669.690.000	95.669.690.000	33,58%	-
Nguyễn Ngọc Trung	9.566.969	95.669.690.000	95.669.690.000	33,58%	-
Cộng	28.490.400	284.904.000.000	284.904.000.000	100,00%	83.384.000.000

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	
USD	132,20	-

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất, truyền tải và phân phối điện từ năng lượng nước là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu toàn Công ty. Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh thủy điện trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

20. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán điện	65.814.232.968	61.545.022.894
Doanh thu bán hàng	3.133.574.400	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.947.807.368	61.545.022.894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán điện	24.973.957.256	20.012.878.301
Giá vốn hàng bán	3.133.574.572	-
Cộng	28.107.531.828	20.012.878.301

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.569.489	207.179.006
Chi phí nhân công	3.589.475.752	2.484.698.724
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.185.317.486	15.644.705.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.236.263.309	588.275.703
Chi phí khác	638.350.802	997.172.116
Cộng	27.791.976.838	19.922.031.166

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	27.616.325.942	21.562.722.087
Cộng	27.616.325.942	21.562.722.087

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	1.659.988.309	1.030.849.272
Chi phí đồ dùng văn phòng	42.806.068	11.459.641
Chi phí khấu hao TSCĐ	218.325.804	69.449.684
Thuế, phí và lệ phí	73.635.315	202.316.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	430.966.743	11.034.264
Chi phí khác	392.297.343	216.883.792
Cộng	2.818.019.582	1.541.993.108

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận phân phối cho công ty mẹ	10.466.184.897	14.154.417.678
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	389.260.000	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.076.924.897	14.154.417.678
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	19.023.400	7.816.475
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	530	1.811

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	705.538.943.149	244.078.918.634
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	14.919.919.318	217.948.569
Nợ thuần	690.619.023.831	243.860.970.065
Vốn chủ sở hữu	299.611.934.562	98.000.604.225
Tỉ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	2,31	2,49

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 04.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.919.919.318	217.948.569
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.478.266.868	15.295.372.545
Cộng	25.398.186.186	15.513.321.114
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	705.538.943.149	244.078.918.634
Phải trả người bán và phải trả khác	545.979.457	5.541.929.480
Chi phí phải trả	6.036.762.081	1.974.327.253
Cộng	712.121.684.687	251.595.175.367

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.919.919.318	-	-	14.919.919.318
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.304.833.868	173.433.000	-	10.478.266.868
Cộng	25.224.753.186	173.433.000	-	25.398.186.186
Số cuối năm				
Các khoản vay	20.720.000.000	224.570.000.000	460.248.943.149	705.538.943.149
Phải trả người bán và phải trả khác	545.979.457	-	-	545.979.457
Chi phí phải trả	6.036.762.081	-	-	6.036.762.081
Cộng	27.302.741.538	224.570.000.000	460.248.943.149	712.121.684.687
Chênh lệch thanh khoản thuần	(2.077.988.352)	(224.396.567.000)	(460.248.943.149)	(686.723.498.501)
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	217.948.569	-	-	217.948.569
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.295.372.545	-	-	15.295.372.545
Cộng	15.513.321.114	-	-	15.513.321.114
Số đầu năm				
Các khoản vay	13.200.000.000	75.200.000.000	155.678.918.634	244.078.918.634
Phải trả người bán và phải trả khác	5.541.929.480	-	-	5.541.929.480
Chi phí phải trả	1.974.327.253	-	-	1.974.327.253
Cộng	20.716.256.733	75.200.000.000	155.678.918.634	251.595.175.367
Chênh lệch thanh khoản thuần	(5.202.935.619)	(75.200.000.000)	(155.678.918.634)	(236.081.854.253)

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tấn Phát	Cùng chung thành viên góp vốn và thành viên quản lý chủ chốt.
Thành viên Ban Quản trị và Quản lý Ông Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên chủ chốt
Ông Trần Quang Chung	Cổ đông lớn
	Cổ đông lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Ngoài các bên liên quan đã được trình bày trong các thuyết minh số 7, 8, 13, 17 Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tấn Phát		
Mua hàng và dịch vụ	676.839.214	108.525.708.888
Thanh toán công nợ	67.863.423.466	150.953.279.778
Bán hàng	3.133.574.400	-
Thuê thi công công trình Đăk Bla 1	47.498.012.000	-
Thành viên quản lý chủ chốt		
Thu mượn tiền	3.028.873.747	-
Chi trả tiền	10.580.865.447	25.134.000
Hoàn tạm ứng	113.963.308.144	17.309.134.575
Chi tạm ứng	43.137.464.485	54.911.039.581


Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc


Thù lao của Hội đồng Quản trị và thu nhập của Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thù lao HĐQT và thu nhập Tổng Giám Đốc	237.067.363	382.429.487

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016 là báo cáo tài chính hợp nhất đầu tiên được Công ty lập. Do vậy số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty CP Thủy điện ĐăkNe (Công ty mẹ) đã được kiểm toán.


Lê Thục Quỳnh
Người lập biểu
TP. Kon Tum, ngày 15 tháng 5 năm 2017


Nguyễn Thị Thu Phương
Kế toán trưởng


Hồ Thanh Tiến
Tổng Giám đốc

